

BÍ ĐÁI, ĐÁI ÍT (long bế, vô niệu)

A. Biện chứng luận trị

Long bế là các chứng đái ít, khó đái (thiểu niệu) thậm chí nước tiểu bị tắc không thông. Đái khó, đái ra từng giọt, bệnh phát lên chậm gọi là "long" (còng). Muốn đi đái nhưng không đái được, trướng cấp khó thông, bệnh phát lên là rất cấp là "bế" thường gọi chung là "long bế". Bệnh chủ yếu là thận và bàng quang, bệnh lý có hai mặt hư và thực. Thực chứng do thấp nhiệt chú ở dưới, hoặc ứ huyết kết ở trong, bàng quang khí hóa bất lợi mà dẫn đến. Hư chứng do thận khí hao hư, bàng quang khí hóa không có uy lực. Cũng có thể do tân dịch hao tổn, thận âm bất túc, thủy dịch không thể xuống đến dưới bàng quang gây ra.

Bệnh này bao gồm rất nhiều tên bệnh trong y học hiện đại, nói khái quát, một là do các nguyên nhân làm chức năng lọc của thận giảm, hoặc suy kiệt, do đó lượng nước tiểu giảm sút cực độ. Hai là do thương tổn thực thể, hoặc chức năng của niệu đạo bao gồm các nguyên nhân thương tổn thần kinh trung ương (tuỷ sống hoặc não, màng não), cơ tròn co thắt, bàng quang người già nhẽo, chứng thần kinh chức năng làm nước tiểu ra khó và đọng lưu.

B. Điểm chủ yếu để kiểm tra

1. Tiểu tiện ít hoặc khó đái, không có cảm giác buồn đái và không thấy bụng dưới trướng đau, sờ gõ khu bàng quang vùng bụng dưới cũng không thấy căng đầy, thường do chức năng thận suy kiệt đưa đến đái ít hoặc bí đái. Nếu bụng dưới trướng đau, buồn đái mà không đái ra, sờ gõ vùng bàng quang thấy căng tức, là nước tiểu đọng lưu và khó bài tiết.
2. Phải hỏi rõ phát bệnh như thế nào, khó đái đột nhiên hay từ từ tăng dần, trước đó có tiền sử về tiền liệt tuyến, niệu đạo, bàng quang, thận tạng hay không? Gần đây có bị viêm cấp tính ở niệu đạo, trực tràng, vùng hội âm, xương chậu hay không? Có bị thương hay bị mổ xẻ hay không? Và các chứng kèm theo, có thể giúp cho phân biệt nguyên nhân.
3. Chú ý niệu đạo bị chèn ép không, cần thăm trực tràng đánh giá tiền liệt tuyến có u hay không, có điều kiện thì soi bàng quang, quan sát bàng quang và phía sau niệu đạo, hoặc thăm dò đánh giá chức năng bài tiết của thận.
4. Có khi cần kiểm tra hệ thần kinh, não, tủy có bệnh hay không.
5. Sau khi đã loại trừ các thương tổn thực thể ở hệ tiết niệu sinh dục hoặc ở thần kinh trung ương gây ra rối loạn đi tiểu, phải nghĩ đến chứng thần kinh chức năng và chứng nhẽo bàng quang ở người già.

C. Cách chữa

1. Bằng châm cứu

a. Thể châm: Trung cực, Âm lăng tuyến, Hành gian, Bàng quang du, Tam âm giao.

- Hư chứng, gia cứu Bách hội, Khí hải, Quan nguyên.

b. Nhĩ châm: Thận, Bàng quang, Ngoại sinh thực khí, Giao cảm, Bì chất hạ.

2. Biện chứng thí trị

Biện chứng phải chia ra hư và thực. Trị thực thì lấy thanh lợi thấp nhiệt, hư chứng thì lấy bổ ích thận khí, hoặc tư dưỡng thận âm.

a. Thấp nhiệt chứng: Nước tiểu ít, nóng, đỏ, tiểu nhiều lần, gắp, nhỏ giọt, khó đái thậm chí bí tiểu, bụng dưới trướng đầy hoặc đau đơn, miệng khát, bí đại tiện, rêu lưỡi vàng nhầy, mạch hoạt, sắc (trơn tru mà nhanh).

Cách chữa: Thanh lợi thấp nhiệt.

Bài thuốc: *Bát chính tán gia giảm.*

<i>Biển súc</i>	4 đồng cân,	<i>Cù mạch</i>	4 đồng cân,
<i>Hoạt thạch</i>	3 đồng cân,	<i>Mộc thông</i>	2 đồng cân,
<i>Hoắc Sơn chi</i>	3 đồng cân,	<i>Xa tiền thảo</i>	5 đồng cân,
<i>Sinh Đại hoàng</i>	3 đồng cân, hậu hạ,		
<i>Hải kim sa</i>	3 đồng cân, gói lại sắc:		

Gia giảm:

- Nếu có kết sỏi hoặc ứ huyết, vướng tắc, bụng dưới trướng đau nhiều, hoặc có kèm đái ra máu, gia *Kim tiền thảo* 1 lạng, *Hổ trưong* 5 đồng cân, thêm riêng bột *Sâm Tam thất* 1 đồng cân, bột *Trầm hương* 4 đồng cân, trộn đều, chia làm hai lần uống.

- Nếu thấp nhiệt thương âm, kèm sốt, bứt rứt vùng tim, chất lưỡi hồng, gia *Sinh địa* 4 đồng cân, *Tri mẫu* 3 đồng cân, *Hoàng bá* 3 đồng cân.

b. Thận hư chứng: Đái són, không có sức đẩy ra, khó đái hoặc bí đái, sắc mặt trắng nhợt, toàn thân hư nhược, thất lưng trở xuống lạnh, đùi gối không có sức, chất lưỡi nhạt, mạch trầm, tế.

Cách chữa: Bổ thận, ôn dương, thông khiếu.

Bài thuốc: *Tế sinh thận khí hoàn gia giảm.*

Thục địa, Sơn dược, Nhục thung dung, mỗi thứ đều 3 đồng cân,
Tiên linh tử 4 đồng cân, *Trạch tả, Ngưu tất*, mỗi thứ đều 3 đồng cân,
Chế Phụ phiên 2 đồng cân, *Nhục quế* 1 đồng cân, *Xa tiền tử* 5 đồng cân gói lại sắc.

Gia giảm:

- Nếu kiêm chứng tỳ hư, ngắn hơn, mệt mỏi, sức yếu, bụng dưới có cảm giác xệ xuống, bỏ *Thục địa, Thung dung*, có thể thêm *Hoàng kỳ* 3 đồng cân, *Đẳng sâm* 3 đồng cân, *Thăng ma* 1 đồng cân.

- Nếu thân hình gầy, tiểu tụy, sốt nhẹ, bứt rứt vùng tim, miệng khát, môi khô, chất lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch tế, sắc, vô lực là âm tân hao hư, bỏ *Chế Phụ phiên, Nhục quế, Xa tiền tử*, gia *Bắc sa sâm, Mạch môn, Sinh địa*, mỗi thứ 3 đồng cân, *Bạch mao căn* 1 lạng.

3. Bài thuốc một vài vị lẻ

- *Toan thương thảo tươi (cỏ chua me)* 2 lạng, giã nát lấy nước, thêm mật uống.
 - *Xa tiền thảo* 6 đồng cân, *Thăng ma* 2 đồng cân, sắc uống.
 - *Đạm trúc điệp* 3 đồng cân, *Đẳng tâm* 1 nắm, nấu với nước chín uống.
 - *Trầm hương* 4 phân, *Hổ phách* 4 phân, *đế mèn*, *đế chũ* (*lâu cô*, *lâu suát*), một đôi, đồ chung nghiền nhỏ, chia làm 2 lần, ngóáy với nước sôi uống.
 - *Hành trắng sống* 1 cân, giã nát. *Xạ hương* 1 phân, trộn đều chia làm 2 gói. Trước hết là đặt một gói lên trên rốn rồi chườm nóng trên đó chừng 15 phút, sau lại đổi một gói khác, lần này lấy nước đá chườm 15 phút. Cứ thế thay đổi đến khi tiểu tiện được mới dừng.
 - *Một củ tỏi*, *Dành dành* 3 quả, *muối ăn* một ít, giã nát cả ba thứ, dằn ra giấy, dán lên trên rốn.
 - *Bồ kết*, lấy 1 đến 2 phân, nghiền nhỏ mịn. Thổi vào trong mũi để gây hắt hơi.
- Các thứ thuốc vừa kể trên đây phần lớn là thích hợp với thực chứng.